

Số: 07/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

THÔNG TƯ

Hướng dẫn khoản 2 Điều 9 Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả áp dụng trong lĩnh vực tài chính

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số;

Căn cứ Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian

lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn khoản 2 Điều 9 Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả (sau đây gọi là Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg) áp dụng trong lĩnh vực tài chính.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc xác định những hành vi được coi là hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực tài chính để làm cơ sở thực hiện hỗ trợ kinh phí chống buôn lậu, gian lận thương mại và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định tại Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg, bao gồm các nhóm hành vi:

1. Các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.
2. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí.
3. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực quản lý giá.
4. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kế toán.
5. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.
6. Các hành vi gian lận thương mại trong việc in, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các lực lượng có chức năng đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực tài chính.
2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực tài chính theo quy định tại Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg.

Điều 3. Các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan

Các hành vi được coi là hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng

5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan, bao gồm các hành vi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn, bao gồm các hành vi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực quản lý giá

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực quản lý giá để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn, bao gồm các hành vi tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kế toán

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kế toán để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, bao gồm các hành vi tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy

định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, bao gồm các hành vi tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Các hành vi gian lận thương mại trong việc in, phát hành, quản lý, sử dụng hoá đơn

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong việc in, phát hành, quản lý, sử dụng hoá đơn để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn, bao gồm các hành vi Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. / *vef*

Nơi nhận: ✓

- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- TAND tối cao, VKSND tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ PC. (3005)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

PHỤ LỤC I

Các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2017

của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan	Quy định tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP*; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP**
1	Khai báo và làm thủ tục không đúng thời hạn quy định khi chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hoàn thuế, không thu thuế.	Điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
2	Không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đúng thời hạn quy định.	Điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
3	Không tái xuất phương tiện vận tải nhập cảnh là ô tô chở người dưới 24 chỗ ngồi đúng thời hạn quy định.	Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
4	Không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, xuất xứ, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật.	Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
5	Khai báo hàng hóa nhập khẩu theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu nhưng không có cơ sở sản xuất hàng gia công, cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu.	Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
6	Khai khống về tên hàng, số lượng, trọng lượng, trị giá hàng hóa xuất khẩu; trừ hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất xuất khẩu, sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất.	Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
7	Khai sai về đối tượng không chịu thuế.	Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP

8	Khai sai về đối tượng miễn thuế.	Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
9	Sử dụng hàng hóa trong hạn ngạch thuế quan không đúng quy định.	Điểm c Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
10	Lập và khai không đúng các nội dung trong hồ sơ miễn thuế, hồ sơ xét miễn, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, hồ sơ xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa.	Điểm d Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
11	Vi phạm quy định về quản lý nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ kế toán, sổ kế toán, hồ sơ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	Điểm đ Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
12	Vi phạm quy định quản lý hàng hóa trong kho bảo thuế dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ, sổ sách kế toán.	Điểm e Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
13	Người xuất cảnh không khai hoặc khai sai số ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, vàng mang theo vượt mức quy định khi xuất cảnh.	Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
14	Người nhập cảnh không khai hoặc khai sai số ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, vàng mang theo vượt mức quy định khi nhập cảnh.	Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
15	Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng giấy thông hành hoặc giấy chứng minh thư biên giới mang theo ngoại tệ tiền mặt thuộc diện không được mang theo mà không khai hoặc khai sai.	Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
16	Người xuất cảnh, nhập cảnh mang theo kim loại quý, đá quý, công cụ chuyên nhượng theo quy định phải khai hải quan khi xuất cảnh, nhập cảnh mà không khai hoặc khai sai.	Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
17	Không xuất trình hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa còn đang lưu giữ là đối tượng kiểm tra sau thông quan để cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật hải quan.	Điểm a Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP

18	Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật.	Điểm b Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
19	Đánh tráo hàng hoá đã kiểm tra hải quan với hàng hoá chưa kiểm tra hải quan.	Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
20	Sử dụng niêm phong hải quan giả mạo; sử dụng chứng từ, tài liệu giả mạo, không hợp pháp, không đúng với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai, nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan mà không phải là tội phạm.	Điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
21	Thực hiện việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan mà không thông báo hoặc không được sự đồng ý của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật.	Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
22	Vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất không đúng tuyến đường, lộ trình, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hải quan mà không có lý do xác đáng.	Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
23	Tự ý phá niêm phong hải quan.	Điểm b Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
24	Tự ý thay đổi bao bì, nhãn hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan.	Điểm c Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
25	Không bảo quản nguyên trạng hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan hoặc hàng hoá được giao bảo quản theo quy định của pháp luật chờ hoàn thành việc thông quan.	Điểm d Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
26	Lưu giữ hàng hóa không đúng địa điểm quy định hoặc địa điểm đã đăng ký với cơ quan hải quan.	Điểm đ Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP

27	Đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đến cơ sở khác gia công lại mà không thông báo cho cơ quan hải quan.	Điểm e Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
28	Tiêu thụ hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan.	Điểm a Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
29	Tiêu thụ phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại nước ngoài tạm nhập cảnh vào Việt Nam.	Điểm b Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
30	Tiêu thụ hàng hóa được đưa về bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan theo quy định.	Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
31	Không chấp hành lệnh dừng, khám xét phương tiện vận tải theo quy định.	Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
32	Không cung cấp sơ đồ hầm hàng, chỉ dẫn, mở nơi nghi vấn cất giữ hàng hóa trên phương tiện vận tải để thực hiện quyết định khám hành chính.	Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
33	Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan.	Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
34	Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới mà không phải là tội phạm.	Điểm b Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
35	Đưa phương tiện vận tải nước ngoài qua lại biên giới đất liền không đúng tuyến đường, cửa khẩu quy định.	Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
36	Bốc dỡ hàng hoá không đúng cảng đích ghi trong bản lược khai hàng hoá, vận tải đơn mà không có lý do xác đáng.	Điểm b Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
37	Xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan mà không được sự đồng ý của cơ quan hải quan.	Điểm c Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP

38	Tẩu tán, tiêu huỷ hoặc vứt bỏ hàng hoá để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.	Điểm d Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
39	Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp, không đúng với thực tế giao dịch để kê khai thuế; tự ý tẩy xoá, sửa chữa chứng từ dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được miễn, giảm, được hoàn.	Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
40	Khai sai mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế đối với những mặt hàng đã được cơ quan hải quan hướng dẫn mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế.	Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
41	Không khai hoặc khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà cơ quan hải quan phát hiện khi thanh tra, kiểm tra sau thông quan nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định trước thời điểm lập biên bản vi phạm.	Điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
42	Làm thủ tục xuất khẩu nhưng không xuất khẩu sản phẩm gia công; sản phẩm sản xuất xuất khẩu; sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất.	Điểm d Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
43	Khai nhiều hơn so với thực tế hàng hoá xuất khẩu về chủng loại, số lượng, khối lượng sản phẩm gia công; sản phẩm sản xuất xuất khẩu; sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất, hàng tái xuất có số thuế gian lận từ 100.000.000 đồng trở lên mà không phải là tội phạm.	Điểm đ Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
44	Xuất khẩu sản phẩm theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu hoặc xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất mà sản phẩm xuất khẩu không được sản xuất từ nguyên liệu đã nhập khẩu; nhập khẩu sản phẩm theo loại hình gia công từ nước ngoài mà sản phẩm nhập khẩu không được sản xuất từ nguyên liệu đã xuất khẩu.	Điểm e Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
45	Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan	Điểm g Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP

	hải quan theo quy định.	
46	Không khai hoặc khai sai tên hàng, mã số hàng hóa, chủng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá, thuế suất, mức thuế, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa.	Điểm h Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
47	Không ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu, chi liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp.	Điểm i khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
48	Các hành vi cố ý không khai hoặc khai sai khác về tên hàng, chủng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá, thuế suất, mức thuế, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để trốn thuế, gian lận thuế.	Điểm l khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
49	Bán hàng miễn thuế không đúng đối tượng quy định.	Điểm k khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
50	Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của người xuất cảnh, nhập cảnh, cư dân biên giới vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
51	Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của người xuất cảnh, nhập cảnh, cư dân biên giới vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà quá 30 ngày, kể từ ngày hàng về đến cửa khẩu mà người nhập cảnh mới nộp hồ sơ hải quan.	Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
52	Xuất khẩu, nhập khẩu hàng viện trợ nhân đạo, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu, tài sản di chuyển vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
53	Quá cảnh, chuyển khẩu hàng hoá; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải không đúng nội dung giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.	Điểm a Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP Điều 14 được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
54	Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đúng nội dung giấy phép.	Điểm b Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
55	Tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập hàng hóa thuộc danh mục phải có giấy phép mà không có giấy phép.	Điểm c Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP

56	Sử dụng không đúng mục đích hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện, máy móc, thiết bị để gia công thuộc Danh mục phải có giấy phép mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.	Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP/2016/NĐ-CP
57	Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục phải có giấy phép mà không có giấy phép.	Khoản 7 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
58	Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không có nhãn hàng hóa theo quy định pháp luật.	Khoản 7 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
59	Tạm nhập - tái xuất hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép.	Điểm a khoản 9 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
60	Tạm nhập - tái xuất hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất thuộc danh mục cấm kinh doanh tạm nhập - tái xuất hoặc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập - tái xuất.	Điểm b khoản 9 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
61	Xuất khẩu, nhập khẩu, đưa vào Việt Nam hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.	Khoản 10 Điều 14 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
62	Đưa hàng hóa, máy móc, thiết bị từ nội địa vào kho ngoại quan để phục vụ cho các hoạt động đóng gói, phân loại, bảo dưỡng mà không thông báo với cơ quan hải quan.	Điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
63	Thực hiện các dịch vụ gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa, phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa và lấy mẫu hàng hóa trong kho ngoại quan mà không thông báo để cơ quan hải quan theo dõi, giám sát.	Điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
64	Chuyển quyền sở hữu hàng hóa gửi kho ngoại quan mà không thông báo để cơ quan hải quan quản lý, theo dõi.	Điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
65	Di chuyển hàng hóa từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác khi chưa có văn bản đồng ý của Cục trưởng Cục Hải quan nơi quản lý kho ngoại quan.	Điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP

66	Mở rộng, thu hẹp, di chuyển địa điểm kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ không được phép của cơ quan hải quan.	Điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
67	Lưu giữ hàng hóa không phù hợp với hợp đồng thuê kho ngoại quan, không phù hợp với điều kiện bảo quản, lưu giữ của kho.	Điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
68	Thực hiện các dịch vụ không được phép trong kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ.	Điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
69	Không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, khối lượng, xuất xứ hàng hóa đưa vào kho ngoại quan, kho bảo thuế; hàng hóa từ kho ngoại quan, kho bảo thuế đưa ra nước ngoài.	Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
70	Đưa vào kho ngoại quan hàng hoá thuộc diện không được lưu giữ trong kho ngoại quan theo quy định.	Điểm a khoản 4 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
71	Tẩu tán hàng hoá lưu giữ trong kho ngoại quan.	Điểm b khoản 4 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
72	Tiêu huỷ hàng hoá lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế không đúng quy định của pháp luật.	Điểm c khoản 4 Điều 15 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
73	Cho phép đưa hàng hóa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi khi chưa có chứng từ của cơ quan hải quan.	Khoản 3 Điều 16a bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP

* Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan (Nghị định số 127/2013/NĐ-CP).

** Nghị định 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải (Nghị định số 45/2016/NĐ-CP) .

PHỤ LỤC II

Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí	Quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP* Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ** Nghị định số 49/2016/NĐ-CP***
1	Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, tăng số thuế được miễn, giảm nhưng người nộp thuế đã ghi chép kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ.	Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
2	Hành vi khai sai của người nộp thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm nhưng khi bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, người vi phạm đã tự giác nộp đủ số tiền thuế khai thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thuế hoặc cơ quan thuế lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế.	Điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
3	Hành vi khai sai của người nộp thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm đã bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế xác định là có hành vi khai man trốn thuế, nhưng người nộp thuế vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thì cơ quan thuế lập biên bản ghi nhận để xác định lại hành vi khai thiếu thuế.	Điểm c Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
4	Sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm nhưng khi cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, người mua chứng minh	Điểm d Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP

	được lỗi vi phạm sử dụng hóa đơn bất hợp pháp thuộc về bên bán hàng và người mua đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định.	
5	Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế sau 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và Khoản 5 Điều 32 của Luật Quản lý thuế hoặc kể từ ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại Điều 33 của Luật Quản lý thuế.	Điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
6	Sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp; sử dụng bất hợp pháp hoá đơn, chứng từ; hóa đơn không có giá trị sử dụng để kê khai thuế làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm.	Điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
7	Lập thủ tục, hồ sơ huỷ vật tư, hàng hoá không đúng thực tế làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn, được miễn, giảm.	Điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
8	Lập hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ sai về số lượng, giá trị để khai thuế thấp hơn thực tế.	Điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
9	Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp.	Điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
10	Không kê khai, kê khai sai, không trung thực làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, được miễn, giảm thuế.	Điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
11	Không xuất hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hoá đơn bán hàng thấp hơn giá trị thực tế thanh toán của hàng hoá, dịch vụ đã bán và bị phát hiện sau thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.	Điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
12	Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng, khai thuế với cơ quan thuế.	Điểm g khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
13	Sửa chữa, tẩy xóa chứng từ kế toán, sổ kế toán làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm.	Điểm h khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP

14	Hủy bỏ chứng từ kế toán, sổ kế toán làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm.	Điểm i khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
15	Sử dụng hóa đơn, chứng từ, tài liệu không hợp pháp trong các trường hợp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn.	Điểm k khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
16	Người nộp thuế đang trong thời gian xin tạm ngừng kinh doanh nhưng thực tế vẫn kinh doanh.	Điểm l khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
17	Gian lận, trốn nộp phí, lệ phí theo quy định.	Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP

* Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (Nghị định số 129/2013/NĐ-CP)

** Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (Nghị định số 109/2013/NĐ-CP)

*** Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (Nghị định số 49/2016/NĐ-CP)

PHỤ LỤC II

Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí	Quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP* Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ** Nghị định số 49/2016/NĐ-CP***
1	Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, tăng số thuế được miễn, giảm nhưng người nộp thuế đã ghi chép kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ.	Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
2	Hành vi khai sai của người nộp thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm nhưng khi bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện, người vi phạm đã tự giác nộp đủ số tiền thuế khai thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thuế hoặc cơ quan thuế lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế.	Điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
3	Hành vi khai sai của người nộp thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm đã bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế xác định là có hành vi khai man trốn thuế, nhưng người nộp thuế vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thì cơ quan thuế lập biên bản ghi nhận để xác định lại hành vi khai thiếu thuế.	Điểm c Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
4	Sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm nhưng khi cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, người mua chứng minh	Điểm d Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP

	được lỗi vi phạm sử dụng hóa đơn bất hợp pháp thuộc về bên bán hàng và người mua đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định.	
5	Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế sau 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và Khoản 5 Điều 32 của Luật Quản lý thuế hoặc kể từ ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại Điều 33 của Luật Quản lý thuế.	Điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
6	Sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp; sử dụng bất hợp pháp hoá đơn, chứng từ; hóa đơn không có giá trị sử dụng để kê khai thuế làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm.	Điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
7	Lập thủ tục, hồ sơ huỷ vật tư, hàng hoá không đúng thực tế làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn, được miễn, giảm.	Điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
8	Lập hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ sai về số lượng, giá trị để khai thuế thấp hơn thực tế.	Điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
9	Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp.	Điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
10	Không kê khai, kê khai sai, không trung thực làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, được miễn, giảm thuế.	Điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
11	Không xuất hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hoá đơn bán hàng thấp hơn giá trị thực tế thanh toán của hàng hoá, dịch vụ đã bán và bị phát hiện sau thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.	Điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
12	Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng, khai thuế với cơ quan thuế.	Điểm g khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP
13	Sửa chữa, tẩy xóa chứng từ kế toán, sổ kế toán làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm.	Điểm h khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP

PHỤ LỤC III

Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực quản lý giá

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực quản lý giá	Quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP*; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP**
1	Khai man, khai khống hồ sơ thanh toán để nhận tiền trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa và các khoản tiền hỗ trợ để thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước; hành vi sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng được sử dụng tiền trợ giá, tiền trợ cước vận chuyển hàng hóa và các khoản tiền hỗ trợ để thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước.	Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
2	Hành vi không chấp hành đúng giá do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.	Điều 8 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP
3	Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ không đúng với hướng dẫn về phương pháp định giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.	Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
4	Không báo cáo giá mua thóc gạo xuất khẩu, gian lận trong việc khai báo giá xuất khẩu gạo; không báo cáo hoặc báo cáo không đúng lượng hàng hóa tồn kho dự trữ lưu thông của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
5	Áp dụng mức giá kê khai, đăng ký không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về giá kể từ ngày thực hiện kê khai giá, đăng ký giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Điểm b Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP
6	Không kê khai giảm giá phù hợp với biến động giảm giá của yếu tố hình thành giá theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Điểm b Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP
7	Không đăng ký giá đúng thời hạn theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP

8	Không kê khai giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.	Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP
9	Không đăng ký giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.	Khoản 6 Điều 11 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP
10	Không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại địa điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật.	Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP
11	Niêm yết giá không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng.	Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP
12	Niêm yết giá không đúng giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.	Điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP
13	Bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân định giá.	Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
14	Bán cao hơn giá niêm yết đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.	Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
15	Tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã kê khai hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
16	Gian lận về giá bằng cách thay đổi nội dung đã cam kết mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian; địa điểm; điều kiện mua, bán; chất lượng hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ.	Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
17	Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác, lợi dụng chính sách của Nhà	Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP

PHỤ LỤC IV

Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kế toán

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kế toán	Quy định tại Nghị định số 105/2013/NĐ-CP*
1	Tẩy xoá, sửa chữa chứng từ kế toán.	Điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
2	Ký chứng từ kế toán mà không có thẩm quyền ký hoặc không được uỷ quyền ký.	Điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
3	Giả mạo, khai man chứng từ kế toán.	Điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
4	Thoả thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man chứng từ kế toán.	Điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
5	Lập chứng từ kế toán có nội dung các liên không giống nhau trong trường hợp phải lập chứng từ kế toán có nhiều liên cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.	Điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
6	Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.	Điểm d khoản 4 Điều 7 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
7	Lập nhiều lần chứng từ kế toán cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.	Điểm đ khoản 4 Điều 7 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
8	Huỷ bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng chứng từ kế toán.	Điểm e khoản 4 Điều 7 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
9	Lập sổ kế toán không đầy đủ các nội dung theo quy định như: không ghi tên đơn vị kế toán, tên sổ, ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; thiếu chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; không đánh số trang, không đóng dấu giáp lai giữa các trang trên sổ kế toán.	Điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
10	Ghi sổ kế toán không đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định.	Điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
11	Vi phạm các quy định về ghi sổ kế toán như ghi chồng lên nhau, ghi cách dòng; không gạch chéo phần trang sổ không ghi; không thực hiện việc cộng số liệu tổng cộng khi ghi hết trang sổ, không thực hiện	Điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP

	việc chuyển số liệu tổng cộng trang số trước sang đầu trang số kế tiếp.	
12	Không có chứng từ kế toán chứng minh các thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán hoặc số liệu trên sổ kế toán không đúng với chứng từ kế toán.	Điểm b Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
13	Thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm thực hiện không kế tiếp thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán năm trước liền kề hoặc sổ kế toán ghi không liên tục từ khi mở sổ đến khi khoá sổ.	Điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
14	Không thực hiện việc khoá sổ kế toán trong các trường hợp mà pháp luật về kế toán quy định phải khoá sổ kế toán.	Điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
15	Mở sổ kế toán ngoài hệ thống kế toán chính thức của đơn vị.	Điểm a khoản 4 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
16	Giả mạo sổ kế toán.	Điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
17	Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo sổ kế toán.	Điểm c khoản 4 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
18	Cố ý để ngoài sổ kế toán tài sản của đơn vị hoặc tài sản có liên quan đến đơn vị.	Điểm d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
19	Hủy bỏ trước hạn hoặc cố ý làm hư hỏng sổ kế toán.	Điểm đ khoản 4 Điều 8 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
20	Hạch toán không theo đúng nội dung quy định của tài khoản kế toán.	Điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
21	Sửa đổi nội dung, phương pháp hạch toán của tài khoản kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc mở thêm tài khoản kế toán trong hệ thống tài khoản kế toán cấp I đã lựa chọn không được Bộ Tài chính chấp nhận.	Điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
22	Lập và trình bày báo cáo tài chính không đúng phương pháp; không rõ ràng; không nhất quán theo quy định.	Điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
23	Công khai báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định, gồm: Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm và các khoản thu chi tài chính khác; tình hình tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh, trích lập và sử dụng các quỹ, thu nhập của người lao	Điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP

	động.	
24	Lập báo cáo tài chính không đúng với số liệu trên sổ kế toán và chứng từ kế toán.	Điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
25	Giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính.	Điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
26	Thoả thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính.	Điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
27	Cố ý, thoả thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.	Điểm đ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
28	Thông tin, số liệu công khai báo cáo tài chính sai sự thật.	Điểm g khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
29	Không lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê theo quy định.	Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
30	Không xác định nguyên nhân chênh lệch; không phản ánh số chênh lệch và kết quả xử lý số chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ kế toán vào sổ kế toán.	Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
31	Không thực hiện việc tổ chức kiểm kê, phân loại, phục hồi tài liệu kế toán bị mất mát hoặc bị hủy hoại.	Điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
32	Hủy bỏ tài liệu kế toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định.	Điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP
33	Tiêu hủy tài liệu kế toán không thành lập Hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp tiêu hủy và không lập biên bản tiêu hủy theo quy định.	Điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 105/2013/NĐ-CP

* Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập (Nghị định số 105/2013/NĐ-CP).

PHỤ LỤC V

Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2017

của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Quy định tại Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
1	Sửa chữa, gian dối hoặc giả mạo các tài liệu đối với hồ sơ đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.	Điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
2	Sửa chữa, gian dối hoặc giả mạo các tài liệu đối với hồ sơ đã được cấp phép thành lập Chi nhánh.	Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
3	Hành vi sửa chữa, gian dối hoặc giả mạo các tài liệu đối với hồ sơ đã được cấp phép đặt Văn phòng đại diện.	Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
4	Mở hoặc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.	Điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
5	Sửa chữa Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện.	Điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
6	Hành vi thay đổi mức vốn điều lệ, vốn được cấp, nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản	Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
7	Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, kinh doanh môi giới bảo hiểm không có Giấy phép thành lập và hoạt động	Điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
8	Hoạt động, kinh doanh khi đã bị đình chỉ hoạt động Giấy phép thành lập và hoạt động.	Điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
9	Hoạt động khi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đặt Văn phòng đại diện đã hết thời hạn.	Điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
10	Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính, Chi nhánh, Văn phòng đại diện mà chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.	Điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
11	Hành vi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đối với cổ đông chiếm 10% vốn điều lệ	Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP

	trở lên hoặc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để cổ đông chiếm 10% vốn điều lệ trở lên mà chưa được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.	
12	Nhận tái bảo hiểm đối với chính những rủi ro đã nhượng tái bảo hiểm; nhượng toàn bộ trách nhiệm bảo hiểm đã nhận trong một hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác.	Điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
13	Hành vi giải quyết bồi thường bảo hiểm cho khách hàng chậm theo quy định của pháp luật.	Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
14	Thông đồng với người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm để giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật.	Điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
15	Thông tin, quảng cáo sai sự thật về nội dung, phạm vi hoạt động, điều kiện bảo hiểm, làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm.	Điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
16	Không công khai và minh bạch trong bán hàng làm cho khách hàng hiểu sai về sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài cung cấp.	Điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
17	Phân biệt đối xử về điều kiện bảo hiểm và mức phí bảo hiểm giữa các đối tượng bảo hiểm có cùng mức độ rủi ro.	Điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
18	Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên, chủ sở hữu hoặc sử dụng tài sản thuộc sở hữu nhà nước và của doanh nghiệp nhà nước khi tham gia bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm không thực hiện đấu thầu để lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài theo quy định của pháp luật	Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
19	Tài liệu giới thiệu sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp bảo hiểm không rõ ràng, khó hiểu và chứa đựng thông tin dẫn đến hiểu lầm.	Điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
20	Tài liệu minh họa bán hàng không rõ ràng, không đầy đủ và chính xác để giúp khách hàng có sự lựa chọn phù hợp.	Điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP

21	Hàng năm không xem xét lại các giả định dùng trong minh họa bán hàng; không sửa lại minh họa bán hàng nếu giả định không còn phù hợp với thực tế.	Điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
22	Tài liệu giới thiệu sản phẩm, dịch vụ, tài liệu minh họa bán hàng chứa đựng những thông tin về quyền lợi bảo hiểm trái với quy tắc, điều khoản bảo hiểm, biểu phí đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.	Điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
23	Không cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, không giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm.	Điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
24	Không thực hiện thông báo cho bên mua bảo hiểm về tình trạng hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật.	Điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
25	Không tuân thủ quy tắc, điều khoản, biểu phí đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.	Điểm a khoản 3 Điều 18 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
26	Sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều khoản, biểu phí khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Tài chính.	Điểm b khoản 3 Điều 18 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
27	Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài trả hoa hồng bảo hiểm cao hơn tỷ lệ, trả hoa hồng bảo hiểm không đúng đối tượng hoặc nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.	Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
28	Không tuân thủ quy tắc, điều khoản và biểu phí do Bộ Tài chính ban hành.	Điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
29	Không tách riêng phần bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm trọn gói theo quy định.	Điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
30	Hành vi ngăn cản bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hoặc xúi giục bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không kê khai các chi tiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.	Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
31	Tư vấn cho khách hàng mua bảo hiểm tại một doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài với các điều kiện, điều khoản kém cạnh tranh hơn so với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác nhằm	Điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP

	thu được hoa hồng môi giới cao hơn.	
32	Tư vấn, giới thiệu cho bên mua bảo hiểm quy tắc, điều khoản và biểu phí bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm bắt buộc không đúng quy định của pháp luật.	Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
33	Làm đại lý cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác khi không được sự đồng ý bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài mà tổ chức, cá nhân đang làm đại lý.	Điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP
34	Ngăn cản bên mua bảo hiểm cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hoặc xúi giục bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không kê khai các chi tiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.	Điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP

* Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số (Nghị định số 98/2013/NĐ-CP).

PHỤ LỤC VI

Các hành vi gian lận thương mại trong việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Hành vi gian lận thương mại trong việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn	Quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP*
1	Không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị thanh toán từ 200.000 đồng trở lên cho người mua theo quy định.	Điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
2	Sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.	Khoản 5 Điều 38 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP
3	Sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.	Khoản 5 Điều 38 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP

* Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (Nghị định số 109/2013/NĐ-CP)